

TTT

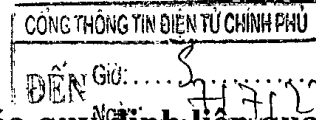
THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 793 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2022



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành có liên quan trong phạm vi thẩm quyền có trách nhiệm triển khai thực hiện theo đúng nội dung và thời hạn quy định tại Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đã được thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

Trong quá trình triển khai thực hiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ động phát hiện và kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan thuộc thẩm quyền hoặc đề nghị bằng văn bản, gửi Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ đối với các Luật, Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ để thực hiện Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

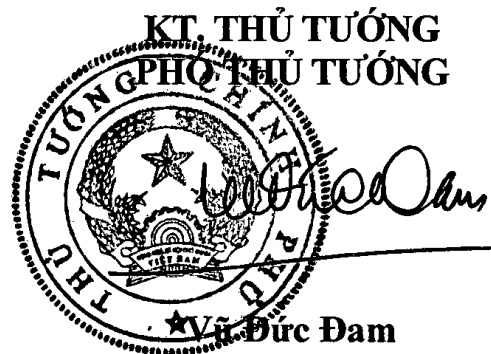
Điều 3. Văn phòng Chính phủ kiểm tra, đôn đốc thực hiện và tổng hợp vướng mắc của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các bộ, ngành, địa phương có liên quan để kịp thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ tháo gỡ trong quá trình thực thi Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Điều 1 của Quyết định này.

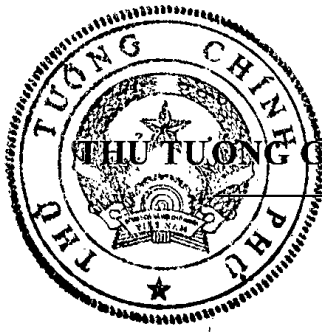
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KSTT (2b). 47





THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Kèm theo Quyết định số 793/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

PHẦN I. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

I. Quy định về thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính 1: Thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục (1.004494)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục I Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 02 Phụ lục I Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ công lập và Quyết định cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục theo Mẫu số 03 Phụ lục I Phương án này.

+ Quy định thẩm định các điều kiện thành lập trường tại hồ sơ, bỏ thẩm định thực tế các điều kiện thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do:

+ Việc quy định rõ ràng, chi tiết các biểu mẫu và hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Hồ sơ và yêu cầu điều kiện để thành lập trường là các giấy tờ, tài liệu, văn bản. Vì vậy, để tăng cường trách nhiệm của tổ chức, cá nhân và nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thành lập chỉ cần thẩm định tại hồ sơ đồng thời thúc đẩy việc giải quyết thủ tục hành chính theo phương thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo yêu cầu của Chính phủ.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2; điểm a, b, c khoản 3 Điều 4 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.251.728.000 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.540.656.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 711.072.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,57%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (1.006390)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 04 Phụ lục I Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục theo Mẫu số 05 Phụ lục I Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Bổ quy định thành phần hồ sơ có Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoặc quy định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước phải cung cấp Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường; không quy định tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC cung cấp.

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả của một TTHC khác. Vì vậy, không thể yêu cầu cá nhân/tổ chức cung cấp quyết định thành lập. Tại huyện/quận thì Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện, là cơ quan tham mưu UBND cấp huyện về quản lý giáo dục nên phải biết việc thành lập/cho phép thành lập trường mầm non, mẫu giáo, nhà trẻ.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2, điểm a, d khoản 3 Điều 6 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.110.940.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.222.100.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 888.840.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

3. Thủ tục hành chính 3: Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (1.006445)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 06 Phụ lục I Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 07 Phụ lục I Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục theo Mẫu số 08 Phụ lục I Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Quy định thẩm định các điều kiện tại hồ sơ, không thẩm định thực tế các điều kiện sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ.

Lý do: Việc sáp nhập, chia, tách trên cơ sở các trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ đã thành lập đang hoạt động giáo dục. Vì vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi sáp nhập, chia, tách chỉ cần thẩm định tại hồ sơ.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 3, điểm a, b, c khoản 4 Điều 7 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 177.768.000 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 133.326.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 44.442.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại (1.006444)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại theo Mẫu số 09 Phụ lục I Phương án này.

+ Bỏ quy định: “Quyết định thành lập đoàn kiểm tra; Biên bản kiểm tra” trong thành phần hồ sơ đề nghị hoạt động giáo dục trở lại.

Lý do: Hai loại văn bản nêu trên là văn bản thuộc cơ quan quản lý nhà nước ban hành nên không thể đưa vào thành phần hồ sơ để thực hiện TTHC và yêu cầu cơ sở giáo dục cung cấp cho cơ quan quản lý hành chính nhà nước.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 3 Điều 8 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 162.954.000 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 121.474.800 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 41.479.200 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25,45%.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (1.004492)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 10 Phụ lục I Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Bãi bỏ quy định: “Trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ dân lập, tư thục có thể thuê trường sở, cơ sở vật chất, thiết bị của Nhà nước, cơ sở giáo dục công lập không sử dụng để tổ chức hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật”.

Lý do: Việc thuê địa điểm thực hiện là giao dịch/hợp đồng kinh tế/dân sự thì phải thực hiện theo Luật Kinh tế/dân sự. Vì vậy, không cần thiết quy định tại văn bản hiện hành.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 11 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.940.524.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.696.148.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 1.244.376.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,57%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại (1.004443)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Đề nghị mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 11 Phụ lục I Phương án này.

+ Đề nghị bỏ thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập đoàn kiểm tra và Biên bản kiểm tra quy định tại điểm c khoản 3 Điều 13 Nghị định 46/2017/NĐ-CP.

Lý do: Các thành phần hồ sơ trên do cơ quan quản lý nhà nước ban hành, các cơ sở giáo dục không cung cấp được.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm c, d khoản 3 Điều 13 của Nghị định 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 918.468.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 622.188.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 296.280.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,25%.

II. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Điều kiện thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập; cho phép thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập dân lập, tư thực

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Quy định cụ thể điều kiện thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập; cho phép thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non công lập dân lập, tư thực:

“1. Có đề án thành lập nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy định của Luật Quy hoạch.

2. Đề án xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục mầm non; có đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy; nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển”.

Lý do: Đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.346.904.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.081.530.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 265.374.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,7%.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Điều kiện để trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Quy định rõ ràng, chi tiết các điều kiện để trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục thực hiện theo khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

Lý do: Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019 đã quy định đầy đủ: Nhà trường được phép hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện: đất đai, cơ sở vật chất; chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy...; có quy chế tổ chức và hoạt động.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.
- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:
 - + Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 770.088.000 đồng/năm
 - + Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 672.952.000 đồng/năm.
 - + Chi phí tiết kiệm: 97.928.000 đồng/năm.
 - + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,61%.

PHẦN II. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

I. Giáo dục tiểu học

1. Quy định về thủ tục hành chính:

a) Thủ tục hành chính 1: Thành lập trường tiểu học công lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học tư thục (1.004555)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục II Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 02 Phụ lục II Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định thành lập trường tiểu học công lập, Quyết định cho phép thành lập trường tiểu học tư thục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Mẫu số 03 Phụ lục II Phương án này;

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Quy định thẩm định các điều kiện thành lập trường tại hồ sơ, không thẩm định thực tế;

Lý do: Hồ sơ và yêu cầu điều kiện để được thành lập trường là các giấy tờ, tài liệu, văn bản; nhằm tạo điều kiện thuận lợi, cắt giảm tối đa chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân khi thành lập chỉ cần thẩm định tại hồ sơ. Vì vậy, việc thẩm định thực tế quy định tại thủ tục cho phép cơ sở giáo dục hoạt động, không quy định tại thủ tục thành lập trường.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2, điểm khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 1 Nghị định 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 402.940.800 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 296.280.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 106.660.800 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,47%.

b) Thủ tục hành chính 2: Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (2.001842)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục II Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định cho phép nhà trường tổ chức hoạt động giáo dục theo Mẫu số 03 Phụ lục II Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Bãi bỏ việc quy định thành phần hồ sơ gồm: Quyết định thành lập/hoặc cho phép thành lập trường hoặc quy định rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước cung cấp Quyết định thành lập/hoặc cho phép thành lập trường, không quy định tổ chức, cá nhân thực hiện TTHC cung cấp văn bản này.

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả của một TTHC khác. Vì vậy, không thể yêu cầu cá nhân/tổ chức cung cấp quyết định thành lập. Tại huyện/quận thì Phòng GDĐT là cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện, là cơ quan tham mưu UBND cấp huyện về quản lý giáo dục nên phải biết việc thành lập/cho phép thành lập trường tiểu học.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 18 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 10 Điều 1 Nghị định 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 402.940.800 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 296.280.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 106.660.800 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,47%.

c) Thủ tục hành chính 3: Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học (1.004563)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục II Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 02 Phụ lục II Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định sáp nhập, chia, tách trường tiểu học theo Mẫu số 03 Phụ lục II Phương án này;

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 3 Điều 19 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 11 Điều 1 Nghị định số 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 171.842.400 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 133.326.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 38.516.400 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,41%.

d) Thủ tục hành chính 4: Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại (1.004552)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục II Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm d, đ khoản 3 Điều 20 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi Điều 2 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 45.034.560 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 29.628.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 15.406.560 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,21%.

2. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh

a) Yêu cầu, điều kiện 1: Điều kiện thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Quy định cụ thể điều kiện thành lập trường tiểu học công lập, cho phép thành lập trường tiểu học tư thục theo nội dung sau:

“1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy định của Luật Quy hoạch.

2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ của nhà trường; chương trình, nội dung giáo dục dự kiến thực hiện; cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm và diện tích đất dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy, nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; dự kiến quy mô phát triển của từng giai đoạn; đối tượng và chính sách trong thực hiện tuyển sinh.”.

Lý do: Đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 456.864.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 360.710.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 96.154.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,04%.

b) Yêu cầu, điều kiện 2: Điều kiện để trường tiểu học hoạt động giáo dục

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Quy định rõ ràng, chi tiết các điều kiện để trường tiểu học hoạt động giáo dục theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

Lý do: Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019 đã quy định đầy đủ: Nhà trường được phép hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện: đất đai, cơ sở vật chất; chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy..; có quy chế tổ chức và hoạt động.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 17 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 134.590.400 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 98.539.400 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 36.051.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,79%.

II. Giáo dục trung học

1. Quy định về thủ tục hành chính

a) Thủ tục hành chính 1: Thành lập trường trung học công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học tư thực (gồm: Thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực (1.004442); thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thực (1.006388)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục II Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 02 Phụ lục II Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định thành lập trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở tư thực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông theo Mẫu số 03 Phụ lục II Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Quy định thẩm định các điều kiện thành lập trường tại hồ sơ, không thẩm định thực tế.

Lý do: Hồ sơ và yêu cầu điều kiện để được thành lập trường là các giấy tờ, tài liệu, văn bản. Vì vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thành lập chỉ cần thẩm định tại hồ sơ. Đồng thời, theo yêu cầu của Chính phủ: tăng cường triển khai thủ tục hành chính theo phương thức dịch vụ công trực. Vì vậy, việc thẩm định thực tế chỉ cần quy định tại thủ tục cho phép cơ sở giáo dục hoạt động, không quy định tại thủ tục thành lập trường.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2, điểm a, b, c khoản 3 Điều 26 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 479.973.600 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 346.647.600 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 133.326.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,77%.

b) Thủ tục hành chính 2: Cho phép trường trung học hoạt động giáo dục (gồm: Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục (1.004444) và Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục (1.005074)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục II Phương án này.

+ Mẫu hoá Quyết định cho phép trường trung học hoạt động giáo dục theo Mẫu số 03 Phụ lục II Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Bỏ thành phần hồ sơ: Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trường.

Lý do: Thành phần hồ sơ này là kết quả của một TTHC khác, vì vậy không cần thiết phải yêu cầu cá nhân/tổ chức cung cấp quyết định thành lập. Đối với Ủy ban nhân dân cấp huyện/quận thì Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện, là cơ quan tham mưu UBND cấp huyện về quản lý giáo dục nên biết việc thành lập/cho phép thành lập trường trung học cơ sở. Đối với UBND cấp tỉnh thì Sở GDĐT là cơ quan chuyên môn, tham mưu quản lý về giáo dục nên phải biết việc thành lập/cho phép thành lập trường trung học phổ thông.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 2, điểm a, c khoản 3 Điều 28 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 16 Điều 1 của Nghị định 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 232.876.080 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa 159.991.200 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 72.884.880 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,29%.

c) Thủ tục hành chính 3: Sáp nhập, chia, tách trường trung học (gồm: Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở (2.001809) và Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông (1.005070)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình Mẫu số 01 Phụ lục II Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 02 Phụ lục II Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở công lập hoặc cho phép sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở tư thục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và Quyết định sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép sáp nhập, chia, tách trường trung học phổ thông tư thục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 03 Phụ lục II Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, b khoản 3 Điều 29 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 17 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 136.288.800 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 97.770.400 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 38.516.400 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,260%.

d) Thủ tục hành chính 4: Cho phép trường trung học hoạt động giáo dục trở lại (Gồm: Cho phép trường trung học cơ sở hoạt động trở lại (1.004475) và Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động trở lại (1.005067)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục II Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định cho phép trường trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo và Quyết định cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo theo Mẫu số 03 Phụ lục II Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 Điều 30 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 65.774.160 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 44.442.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 21.332.160 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,43%.

đ) Thủ tục hành chính 5: Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục (1.005015)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Quyết định thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập, cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 03 Phụ lục II Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 56 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 82.958.400 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 23.702.400 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

e) Thủ tục hành chính 6: Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục (1.005008)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Quyết định cho phép trường chuyên hoạt động giáo dục của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo theo Mẫu số 03 Phụ lục II Phương án này;

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 58 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 54.515.520 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 39.108.960 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 15.406.560 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,26%.

2. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh

a) Yêu cầu, điều kiện 1: Điều kiện thành lập trường trung học công lập; cho phép thành lập trường trung học tư thực

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Quy định cụ thể điều kiện thành lập trường trung học công lập; cho phép thành lập trường trung học tư thực như sau:

“1. Có đề án thành lập trường phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy định của Luật Quy hoạch.

2. Đề án thành lập trường xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình và nội dung giáo dục; đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm dự kiến xây dựng trường; tổ chức bộ máy; nguồn lực và tài chính; phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.”

Lý do: Đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

- Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 25 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 600.950.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 480.680.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 120.270.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,01%.

b) Yêu cầu, điều kiện 2: Điều kiện để trường trung học cơ sở, trung học phổ thông hoạt động giáo dục

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Quy định rõ ràng, chi tiết các điều kiện để trường trung học cơ sở, trung học phổ thông hoạt động giáo dục theo nội dung quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

Lý do: Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019 đã quy định đầy đủ: Nhà trường được phép hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện: đất đai, cơ sở vật chất; chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy...; có quy chế tổ chức và hoạt động.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 27 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 134.690.400 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 105.949.600 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 28.740.800 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,4%.

PHẦN III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

I. Quy định về thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính 1: Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên (1.005065)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Công văn đề nghị thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên theo Mẫu số 01 Phụ lục III Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên theo Mẫu số 02 Phụ lục III Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 03 Phụ lục III Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 38 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 177.768.000 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 133.326.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 44.442.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

2. Thủ tục hành chính 2: Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập, cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục (1.005466) và Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục (1.005195)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Gộp 2 thủ tục trên thành một, nhằm cắt giảm các thủ tục hành chính không cần thiết, đồng thời tiến hành việc mẫu hóa các mẫu sau:

+ Mẫu hóa văn bản đề nghị thành lập trung tâm theo Mẫu số 04 Phụ lục III Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 05 Phụ lục III Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc Quyết định cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu số 03 Phụ lục III Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 61 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 111.400.520 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 73.477.440 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 37.923.080 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 34,04%.

3. Thủ tục hành chính 3: Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (1.004712)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bỏ thủ tục hành chính này.

Lý do: Việc tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập về bản chất giống như cho phép thành lập và hoạt động giáo dục hòa nhập nên không cần thiết quy định thêm thủ tục này nữa.

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Điều 64 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 25 Điều 1 Nghị định 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21.924.720 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 21.924.720 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%

4. Thủ tục hành chính 4: Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (1.004440)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết TTHC Quyết định cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Mẫu số 03 Phụ lục III Phương án này.

+ Mẫu hóa Tờ trình cho phép hoạt động giáo dục trở lại theo Mẫu số 04 Phụ lục III Phương án này.

+ Bỏ thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập đoàn kiểm tra; Biên bản kiểm tra.

Lý do: Đây là văn bản do cơ quan quản lý nhà nước ban hành. Vì vậy không thể yêu cầu trung tâm học tập cộng đồng cung cấp.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm d, đ khoản 3 Điều 44 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

- + Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.666.080 đồng/năm
- + Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 7.407.000 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 3.259.080 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,55%.

5. Thủ tục hành chính 5: Thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học (1.005053) và Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục (1.005049)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Gộp 02 thủ tục thành lập và cho phép hoạt động giáo dục thành một TTHC: Cho phép thành lập và hoạt động giáo dục đối với trung tâm ngoại ngữ tin học.

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 06 Phụ lục III Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 07 Phụ lục III Phương án này.

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết TTHC theo Mẫu số 03 Phụ lục III Phương án này.

+ Bổ sung cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Việc gộp 2 thủ tục hành chính thành 1 đảm bảo việc cắt giảm chi phí tuân thủ thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho doanh nghiệp, cá nhân.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 47, Điều 49 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 367.387.200 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 248.875.200 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 118.512.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32.25%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động giáo dục trở lại (1.005062)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm c khoản 3 Điều 40 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

7. Thủ tục hành chính 7: Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục (1.005466)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thục từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 24 Điều 1 Nghị định 135/2018/NĐ-CP; khoản 1, 3 Điều 61 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

8. Thủ tục hành chính 8: Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập) (2.001805)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phân cấp thẩm quyền quyết định giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm e khoản 3 Điều 65, khoản 2 Điều 66 Nghị định 46/2017/NĐ-CP.

9. Thủ tục hành chính 9: Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập (1.004712)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phân cấp thẩm quyền quyết định tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 64 Nghị định 46/2017/NĐ-CP.

10. Thủ tục hành chính 10: Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (1.004440)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phân cấp thẩm quyền quyết định tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập từ Chủ tịch UBND cấp tỉnh cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi điểm đ khoản 3 Điều 44 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

II. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh

Yêu cầu, điều kiện: Điều kiện tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bãi bỏ quy định về điều kiện tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập.

Lý do: Việc tổ chức lại giống như việc thành lập lại trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập như: xem xét phương án xử lý các vấn đề về nhân sự, tổ chức bộ máy, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan mà không làm thay đổi pháp nhân và thực hiện như việc thành lập trung tâm theo quy định tại Điều 61 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 24 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP).

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ Điều 64 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 25 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 23.072.640 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 23.072.640 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100% .

PHẦN IV. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG CHUYÊN BIỆT

I. Quy định về thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính 1: Thành lập trường, lớp năng khiếu thể dục thể thao (Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương (1.005017)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bãi bỏ việc quy định thành lập lớp năng khiếu thể dục, thể thao để đảm bảo phù hợp với Luật Giáo dục năm 2019.

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục IV Phương án này.

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết thủ tục (Quyết định thành lập Trường năng khiếu thể dục thể thao) theo Mẫu số 02 Phụ lục IV Phương án này.

+ Quy định rõ về trình tự thực hiện, thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời hạn giải quyết, thẩm quyền giải quyết, cách thức/hình thức thực hiện TTHC.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 54 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 58.663.440 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 37.331.280 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 21.332.160 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,36%.

2. Thủ tục hành chính 2: Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú (1.005084)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 03 Phụ lục IV Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 04 Phụ lục IV Phương án này.

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết thủ tục "Quyết định thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh" theo Mẫu số 05 Phụ lục IV Phương án này.

+ Bổ sung cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 68 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa.

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 95.994.720

đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 66.663.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 29.331.720 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,55%.

3. Thủ tục hành chính 3: Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục, gồm: Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục (1.004496) và Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục (1.005081)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 06 Phụ lục IV Phương án này.

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết thủ tục "Quyết định cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục" Mẫu số 07 Phụ lục IV Phương án này.

+ Bỏ quy định nộp "Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao được chứng thực từ bản chính hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập trung tâm".

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC..

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 70 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 111.401.280 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 68.736.964 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm 42.664.316 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 38,29%.

4. Thủ tục hành chính 4: Thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú

(1.004545)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 08 Phụ lục IV Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 09 Phụ lục IV Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định thành lập trường phổ thông dân tộc bán trú theo Mẫu số 10 Phụ lục IV Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 73 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 80.588.160 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 21.332.160 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,47%.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục (2.001839)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 11 Phụ lục IV Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định cho phép trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục theo Mẫu số 12 Phụ lục IV Phương án này.

+ Bổ sung hình thức tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 75 của Nghị định số

46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 54.515.520 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 34.368.480 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm 20.147.040 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 36,95%.

II. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Điều kiện để trường phổ thông dân tộc nội trú hoạt động giáo dục

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bỏ quy định “Có quy chế tổ chức và hoạt động của trường”.

Lý do: Trường phổ thông dân tộc nội trú được tổ chức và hoạt động theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Kiến nghị thực thi: Bỏ quy định tại khoản 7 Điều 67 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 192.372.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 134.640.400 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 57.731.600 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,01%.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Điều kiện để trường phổ thông dân tộc bán trú hoạt động giáo dục

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bỏ quy định “có quy định về tổ chức hoạt động bán trú của trường”.

Lý do: Trường phổ thông dân tộc bán trú được tổ chức và hoạt động theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; việc quy định về tổ chức hoạt động bán trú của trường là công tác quản trị nhà trường không nên đưa vào quy định của Chính phủ.

- Kiến nghị thực thi: Bỏ quy định tại khoản 7 Điều 72 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 96.186.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 67.320.200 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 28.865.800 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,01%.

PHẦN V. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

I. Quy định về thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính 1: Thành lập trường đại học công lập hoặc cho phép thành lập trường đại học tư thục (1.005063)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 02 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết thủ tục theo Mẫu số 03 Phụ lục V Phương án này.

+ Bỏ quy trình đề nghị “phê duyệt chủ trương thành lập hoặc cho phép thành lập”. Theo đó, một số thành phần hồ sơ gộp với bước thành lập hoặc cho phép thành lập trường đại học tư thục.

+ Bổ sung cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Luật Giáo dục năm 2019 và nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 88 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; được sửa đổi bởi khoản 1 Điều 1 của Nghị định 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 36.117.632 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30.547.568 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 5.570.064 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15,42%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cho phép trường đại học hoạt động đào tạo (1.005041)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 04 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa Báo cáo theo Mẫu số 05 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa Bản thuyết minh các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo Mẫu số 06 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định cho phép trường đại học hoạt động đào tạo theo Mẫu số 07 Phụ lục V Phương án này.

+ Bổ sung cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 90 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; được sửa đổi bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 26.117.632 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21.732.688 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 4.384.944 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16,79%.

3. Thủ tục hành chính 3: Thành lập phân hiệu trường đại học công lập, cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục (1.005031)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bỏ quy trình đề nghị “phê duyệt chủ trương thành lập phân hiệu hoặc cho phép thành lập phân hiệu”. Theo đó, một số thành phần hồ sơ gộp với bước thành lập phân hiệu hoặc cho phép thành lập phân hiệu tư thục.

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 08 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án theo Mẫu số 09 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết thủ tục theo Mẫu số 10 Phụ lục V Phương án này.

+ Bổ sung cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả qua Công dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Phù hợp với Luật Giáo dục năm 2019 và nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 92 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 62.831.360 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 49.759.040 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 13.072.320 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,8%.

4. Thủ tục hành chính 4: Cho phép phân hiệu trường đại học hoạt động đào tạo (1.005006)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 11 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa Báo cáo theo Mẫu số 12 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa Bản thuyết minh các điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo tại phân hiệu theo Mẫu số 13 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết thủ tục theo Mẫu số 14 Phụ lục V Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 93 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 60.441.120 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 48.589.920 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm 11.851.200 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,6%.

5. Thủ tục hành chính 5: Sáp nhập, chia, tách trường đại học (1.004997)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 15 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết thủ tục theo Mẫu số 16 Phụ lục V Phương án này.

+ Bổ sung cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính; giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 94 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 39.701.520 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 19.554.480 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

6. Thủ tục hành chính 6: Cho phép trường đại học, phân hiệu trường đại học hoạt động trở lại (1.004992)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bỏ thành phần hồ sơ: Quyết định thành lập đoàn kiểm tra và Biên bản kiểm tra.

Lý do: Các thành phần hồ sơ trên do cơ quan quản lý nhà nước ban hành, các cơ sở giáo dục không cung cấp được.

+ Mẫu Tờ trình cho phép hoạt động đào tạo trở lại theo Mẫu số 17 Phụ lục V Phương án này.

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết thủ tục theo Mẫu số 10 Phụ lục V Phương án này.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính; giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ điểm b, điểm c khoản 5 Điều 95; sửa đổi khoản 6 Điều 95 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.562.272 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.717.984 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 2.844.288 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,64%.

II. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh

1. Yêu cầu, điều kiện 1: Điều kiện thành lập trường đại học công lập, cho phép thành lập trường đại học tư thục

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bỏ quy định: “có dự kiến cụ thể về số lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên cơ hữu, đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng, trình độ đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với lộ trình để mở mã ngành và tuyển sinh đào tạo trong đề án thành lập trường.”

Lý do: Các nội dung đều thể hiện chi tiết tại nội dung của Đề án thành lập trường.

+ Bỏ điều kiện: Có diện tích đất xây dựng trường tại trụ sở chính tối thiểu là 05 ha và đạt bình quân tối thiểu là 25 m²/sinh viên tại thời điểm trường có quy mô đào tạo ổn định sau 10 năm phát triển.” tại khoản 3 Điều 87 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 33 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP).

Lý do: việc thành lập trường chưa cần diện tích xây dựng, nếu quy định sẽ trùng lặp với điều kiện để trường đại học hoạt động đào tạo.

- Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 và bãi bỏ khoản 5 Điều 87 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 36.051.000 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 26.437.400 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 9.613.600 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,67%.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Điều kiện để trường đại học hoạt động đào tạo

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Quy định điều kiện để trường đại học hoạt động giáo dục theo khoản 2 Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019.

Lý do: Điều 49 Luật Giáo dục năm 2019 đã quy định đầy đủ: Nhà trường được phép hoạt động khi đáp ứng các điều kiện về: đất đai, cơ sở vật chất; chương trình giáo dục và tài liệu giảng dạy... có quy chế tổ chức và hoạt động.

+ Bỏ quy định điều kiện: “Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm hoạt động của nhà trường” tại khoản 5 Điều 89 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 35 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP).

Lý do: điều kiện về nguồn lực tài chính đã được bảo đảm tại khoản 5 Điều 89 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 35 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP), hơn nữa điều kiện này chưa quy định rõ ràng, minh bạch.

+ Bỏ điều kiện "Có quy chế tổ chức, hoạt động và quy chế tài chính nội bộ của trường" tại khoản 6 Điều 89 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP (được sửa đổi tại khoản 35 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP) vì nội dung này không cần thiết, thuộc quyền tự chủ của cơ sở giáo dục.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 89 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 40.857.800 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 30.042.500 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 10.815.300 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,47%.

3. Yêu cầu, điều kiện 3: Điều kiện thành lập phân hiệu trường đại học công lập, cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bỏ điều kiện có đề án thành lập phân hiệu.

Lý do: Đây là thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục thành lập phân hiệu trường đại học công lập, cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tư thục đã được quy định.

- Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ khoản 1 Điều 91 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 37 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 36.051.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 26.437.400 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 9.613.600 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,67%.

4. Yêu cầu, điều kiện 4: Điều kiện để phân hiệu của trường đại học hoạt động đào tạo

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bỏ quy định: “Có đủ nguồn lực tài chính để bảo đảm hoạt động của phân hiệu”.

Lý do: Điều kiện cho phép thành lập trường đã quy định tại khoản 4 Điều 91 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP: phải có vốn đầu tư với mức tối thiểu là 250 tỷ đồng (không bao gồm giá trị đất xây dựng phân hiệu); vốn đầu tư được xác định bằng tiền mặt và tài sản đã chuẩn bị để đầu tư và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bằng văn bản; đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập phân hiệu trường đại học tự thực, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 150 tỷ đồng. Vì vậy, việc quy định phân hiệu của trường đại học hoạt động khi có đủ nguồn lực đảm bảo hoạt động của nhà trường là không cần thiết. Đồng thời nội dung quy định về việc có đủ nguồn lực tài chính để đảm bảo hoạt động của nhà trường đã được quy định tại Luật Giáo dục năm 2019.

+ Bỏ điều kiện "Có quy chế tổ chức, hoạt động và quy chế tài chính nội bộ của trường" vì nội dung này thuộc quyền tự chủ của cơ sở giáo dục, hơn nữa, quy định này còn mang tính hình thức.

- Kiên nghị thực thi: Bãi bỏ điểm đ, e khoản 1 Điều 93 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 36.051.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 26.437.400 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 9.613.600 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,67%.

PHẦN VI. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

I. Quy định về thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính 1: Thành lập trường cao đẳng sư phạm công lập hoặc cho phép thành lập trường cao đẳng sư phạm tự thực (2.001968)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa văn bản đề nghị thành lập của Trường công lập và văn bản của tổ chức, cá nhân (đối với trường tự thực) theo Mẫu số 01 Phụ lục VI Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án thành lập theo Mẫu số 02 Phụ lục VI Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định thành lập trường cao đẳng sư phạm công lập hoặc cho phép thành lập trường cao đẳng sư phạm tư thục theo Mẫu số 03 Phụ lục VI Phương án này.

+ Mẫu hóa văn bản bao gồm: Biên bản về thành viên sáng lập theo Mẫu số 04 Phụ lục VI Phương án này.

+ Bổ sung hình thức thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm tối đa chi phí tuân thủ TTHC.

+ Quy định theo hướng thẩm định các điều kiện thành lập trường tại hồ sơ, không thẩm định thực tế.

Lý do: Hồ sơ và yêu cầu điều kiện để được thành lập trường là các giấy tờ, tài liệu, văn bản. Vì vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thành lập chỉ cần thẩm định tại hồ sơ. Việc thẩm định thực tế cần quy định tại thủ tục cho phép cơ sở giáo dục hoạt động, không quy định tại thủ tục thành lập trường.

+ Bổ yêu cầu nộp "Dự thảo quy hoạch tổng thể mặt bằng và thiết kế sơ bộ các công trình kiến trúc xây dựng, bảo đảm phù hợp với ngành đào tạo, quy mô, trình độ đào tạo và tiêu chuẩn diện tích sử dụng, diện tích xây dựng cho học tập, giảng dạy" vì dự thảo quy hoạch là nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a, c, và g khoản 2; khoản 3 Điều 79 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 16.458.464 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 12.547.568 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 3.910.896 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,76%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ cao đẳng (1.005030)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

+ Bỏ thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp (1.005354) để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và Luật Giáo dục 2019.

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 05 Phụ lục VI Phương án này.

+ Mẫu hóa Báo cáo tình hình thực hiện cam kết theo đề án thành lập trường theo Mẫu số 06 Phụ lục VI Phương án này.

+ Mẫu kết quả giải quyết thủ tục theo Mẫu số 07 Phụ lục VI Phương án này.

+ Bổ sung cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm tối đa chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm khoản 2, khoản 3 Điều 81 Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 31 Điều 1 Nghị định 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 82.958.400 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 62.218.800 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 20.739.600 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

3. Thủ tục hành chính 3: Sáp nhập, chia, tách trường cao đẳng sư phạm (2.001969)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa: văn bản đề nghị sáp nhập, chia, tách của trường công lập và văn bản của tổ chức, cá nhân (đối với trường tư thục) theo Mẫu số 08 Phụ lục VI Phương án này.

+ Mẫu hóa Đề án sáp nhập, chia, tách trường theo Mẫu số 09 Phụ lục VI Phương án này.

+ Mẫu kết quả giải quyết thủ tục theo Mẫu số 10 Phụ lục VI Phương án này.

Lý do: Việc quy định chi tiết các biểu mẫu tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 8.295.840 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.570.064 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 2.725.776 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,85%.

4. Thủ tục hành chính 4: Giải thể trường cao đẳng sư phạm (2.001970)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Công văn đề nghị giải thể trường theo Mẫu số 11 Phụ lục VI Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định giải thể trường cao đẳng theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Phương án này.

Lý do: Việc quy định chi tiết các biểu mẫu tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Đối với trình tự thực hiện quy định tại điểm a khoản 4 Điều 85, quy định rõ nội dung cần kiểm tra thực tế, yêu cầu cần thực hiện khi cơ quan nhà nước cần kiểm tra thực tế.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 3, 4 Điều 85 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.185.120 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 888.840 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 296.278 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục (1.005069)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ thủ tục hành chính này để phù hợp với tình hình thực tế và Luật Giáo dục năm 2019.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 79 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.155.272 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 5.155.272 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

6. Thủ tục hành chính 6: Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm (1.005073)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bỏ thủ tục hành chính này để phù hợp tình hình thực tế và quy định của Luật Giáo dục năm 2019.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 82 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.488.752 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 2.488.752 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

7. Thủ tục hành chính 7: Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp) (2.001988)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bỏ thủ tục hành chính này để phù hợp tình hình thực tế và quy định của Luật Giáo dục năm 2019.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 85 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.185.120 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 1.185.120 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

8. Thủ tục hành chính 8: Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu trường trung cấp) (1.005087)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bỏ thủ tục hành chính này để phù hợp với thực tế và Luật Giáo dục năm 2019.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 86 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.185.120 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 1.185.120 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

9. Thủ tục hành chính 9: Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thục (1.005088)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bỏ thủ tục hành chính này để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và Luật Giáo dục năm 2019.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 86 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.962.800 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 2.962.800 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

10. Thủ tục hành chính 10: Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp (2.001989)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bỏ thủ tục hành chính này để phù hợp với thực tế và quy định của Luật Giáo dục năm 2019.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 81 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 31 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.488.752 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 2.488.752 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

11. Thủ tục hành chính 11: Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp (1.005082)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bỏ thủ tục hành chính này để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và Luật Giáo dục năm 2019.

- Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, bổ sung Điều 83 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 31 Điều 1 của Nghị định số 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 1.718.424 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 1.718.424 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

12. Thủ tục hành chính 12: Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp (1.005354)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bỏ thủ tục hành chính này để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế và Luật Giáo dục năm 2019.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 83 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 3.436.848 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 3.436.848 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

II. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh

Điều kiện thành lập, giải thể trường trung cấp sư phạm công lập hoặc cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thục

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Bỏ toàn bộ điều kiện liên quan đến việc thành lập, giải thể trường trung cấp sư phạm.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 86 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 5.155.272 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 0 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 5.155.272 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

PHẦN VII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

I. Quy định về thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công lập hoặc cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tư thục (1.005022)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Sửa đổi quy định điều kiện, thủ tục thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công lập, cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tư thục để đảm bảo thống nhất, phù hợp quy định mới của Luật Giáo dục đại học theo quy định: Tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục có tư cách pháp nhân, độc lập về tổ chức với cơ quan quản lý nhà nước và cơ sở giáo dục đại học.

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 01 Phụ lục VII Phương án này.

+ Mẫu hóa Quyết định thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục công lập, Quyết định cho phép thành lập tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục tư thực theo Mẫu số 02 Phụ lục VII Phương án này.

+ Bổ sung hình thức thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 98 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 40 Điều 1 Nghị định 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.129.780 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 17.664.990 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 10.464.790 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37,20%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục (1.005020)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 03 Phụ lục VII Phương án này.

+ Bổ sung cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Quy định chi tiết, rõ ràng tổng số ngày giải quyết TTHC cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục, bao gồm thời gian ra thông báo kế hoạch thẩm định, thời gian thẩm định và thời gian ban hành văn bản đồng ý cho phép cơ sở hoạt động giáo dục để đảm bảo sự rõ ràng, minh bạch và trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong thực hiện TTHC chi tiết từng bước xem xét, thẩm định hồ sơ để quyết định cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục.

+ Phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1, điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 100 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.459.040 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.214.450 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 3.244.590 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,11%.

3. Thủ tục hành chính 3: Điều chỉnh, bổ sung đối tượng, phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (1.010024)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Mẫu hóa Tờ trình theo Mẫu số 04 Phụ lục VII Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Phân cấp thẩm quyền quyết định điều chỉnh, bổ sung đối tượng, phạm vi hoạt động của tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 100 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 13.459.040 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.214.450 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 3.244.590 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 24,11%.

4. Thủ tục hành chính 4: Công nhận tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động ở Việt Nam (2.001967)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Mẫu hóa văn bản đề nghị công nhận tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục nước ngoài hoạt động ở Việt Nam theo Mẫu số 05 Phụ lục VII Phương án này.

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết TTHC theo Mẫu số 06 Phụ lục VII Phương

án này.

+ Bổ sung cách thức nộp hồ sơ và trả kết quả qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 104 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ quy định trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 9.383.260 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ quy định sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 6.859.690 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 2.523.570 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,89%.

5. Thủ tục hành chính 5: Gia hạn giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục (1.005009)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phân cấp thẩm quyền quyết định gia hạn giấy phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 4 Điều 100 Nghị định 46/2017/NĐ-CP.

6. Thủ tục hành chính 6: Cho phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục trở lại (1.005016)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép hoạt động kiểm định chất lượng từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 101 Nghị định 46/2017/NĐ-CP.

II. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh

Không có quy định cắt giảm, đơn giản hóa

PHẦN VIII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: DỊCH VỤ TƯ VẤN DU HỌC

I. Quy định về thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (1.005061)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

+ Mẫu hóa văn bản đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học và Danh sách đội ngũ nhân viên trực tiếp tư vấn du học theo Mẫu số 01 Phụ lục VIII Phương án này.

+ Mẫu hóa kết quả giải quyết thủ tục theo Mẫu số 02 Phụ lục VIII Phương án này.

+ Bổ sung hình thức thực hiện qua hình thức trực tuyến trên Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2; khoản 3 Điều 108 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP được sửa đổi bởi khoản 44 Điều 1 Nghị định 135/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 123.173.400 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 90.727.500 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 32.446.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,34%.

II. Quy định về yêu cầu, điều kiện trong hoạt động kinh doanh

Không có quy định cắt giảm, đơn giản hóa.

PHẦN IX. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI

I. Quy định về thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính 1: Phê duyệt liên kết giáo dục (1.001499)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Mẫu hóa “Văn bản, tài liệu thuyết minh việc tích hợp chương trình giáo

dục” theo Mẫu số 01 Phụ lục IX Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ quy định về hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục (Nghị định số 86/2018/NĐ-CP).

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 136.288.776 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 93.328.200 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 42.960.576 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 31,5%.

2. Thủ tục hành chính 2: Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục (1.001497)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Mẫu hóa Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết trong thời gian được cấp phép theo Mẫu số 02 Phụ lục IX Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 12 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 112.586.400 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 79.995.600 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 32.590.800 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,9%.

3. Thủ tục hành chính 3: Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết (1.001496)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Mẫu hóa phương án chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo Mẫu số

03 Phụ lục IX Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 13 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.406.560 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.851.200 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 3.555.360 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,07%.

4. Thủ tục hành chính 4: Phê duyệt hoặc điều chỉnh chương trình giáo dục tích hợp (2.000732)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Mẫu hóa Văn bản đề nghị phê duyệt chương trình giáo dục tích hợp theo Mẫu số 04 Phụ lục IX Phương án này;

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 9 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 27.257.760 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 20.739.600 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 6.518.160 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,9%.

5. Thủ tục hành chính 5: Phê duyệt liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (2.000562)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bỏ yêu cầu nộp thành phần hồ sơ: “Văn bản chấp thuận về chủ trương

cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục Việt Nam (nếu có)”.

Lý do: không cần thiết tăng quyền tự chủ cho cơ sở giáo dục, hơn nữa cơ quan phê duyệt liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ chính là cơ quan xem xét và quyết định.

+ Sửa đổi, bổ sung thẩm quyền phê duyệt liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ cho phù hợp với Điều 45 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2018) và điểm e, khoản 1 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và các quy định của pháp luật có liên quan.

Lý do: Đảm bảo phù hợp, thống nhất với hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 21 và Điều 22 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 48.589.920 đồng/năm

+ Chi phí tuân 2 thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 35.553.600 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 13.036.320 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,8%.

6. Thủ tục hành chính 6: Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ (1.001127)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Mẫu hóa Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết trong thời gian được cấp phép theo Mẫu số 02 Phụ lục IX Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 25 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.406.560 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.851.200 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 3.555.360 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,07%.

7. Thủ tục hành chính 7: Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000691)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bãi bỏ các thành phần hồ sơ tại Mẫu đơn đề nghị chấm dứt liên kết Mẫu số 12 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 86/2018/NĐ-CP, gồm:

+ Báo cáo tổng kết hoạt động liên kết kèm theo các minh chứng về quá trình tổ chức, thực hiện liên kết trong thời gian được cấp phép.

+ Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các bên liên kết (bản tiếng Anh và bản tiếng Việt).

+ Kiến nghị các nội dung (nếu có) trong Quyết định phê duyệt chấm dứt và giải trình.

+ Phân cấp thẩm quyền quyết định gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

Lý do: Việc bãi bỏ các thành phần hồ sơ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22, khoản 7 Điều 26 (Mẫu số 12) Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 74.662.560 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 55.107.080 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 19.555.480 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26,19%.

8. Thủ tục hành chính 8: Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000729).

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phân cấp thẩm quyền phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định 86/2018/NĐ-CP từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 1 Điều 22, khoản 2 Điều 23 Nghị định 86/2018/NĐ-CP.

9. Thủ tục hành chính 9: Chấm dứt, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài (2.000688)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Cục trưởng Cục Quản lý chất lượng.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 7 Điều 26 Nghị định 86/2018/NĐ-CP.

II. Yêu cầu điều kiện

1. Yêu cầu điều kiện 1: Điều kiện về đối tượng liên kết đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi, bổ sung quy định về đối tượng liên kết trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ như sau:

+ Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

+ Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 45 của Luật Giáo dục đại học (sửa đổi, bổ sung năm 2018).

Lý do: Để phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục đại học (sửa đổi, bổ sung năm 2018).

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 11.851.200 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.369.800 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 1.481.400 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 12,5%.

2. Yêu cầu điều kiện 2: Yêu cầu, điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm liên kết đào tạo

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi, bổ sung quy định về cơ sở vật chất, thiết bị, địa điểm liên kết đào tạo “Liên kết đào tạo không được tổ chức đào tạo ngoài trụ sở chính của cơ sở giáo dục Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép” quy định thành: “Việc tổ chức đào tạo tại Việt Nam phải được thực hiện tại trụ sở chính và phân hiệu của cơ sở giáo dục Việt Nam được cơ quan có thẩm quyền cho phép”.

Lý do: Để phù hợp với thực tiễn

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 18 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256.000 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 47.404.800 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 11.851.200 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

III. Quy định về chế độ báo cáo

1. Chế độ báo cáo 1: Chế độ báo cáo việc thực hiện liên kết giáo dục theo từng năm học

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi, bổ sung nội dung chế độ báo cáo bao gồm các thành phần: Nội dung yêu cầu báo cáo; cơ quan nhận báo cáo; phương thức gửi, nhận báo cáo; thời hạn gửi báo cáo; tần suất thực hiện báo cáo; thời gian chốt số liệu báo cáo (nếu có); mẫu đề cương báo cáo; biểu mẫu số liệu báo cáo (nếu có); hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo.

Lý do: Việc quy định rõ ràng, chi tiết các biểu mẫu và các thành phần của chế độ báo cáo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện chế độ báo cáo, đảm bảo mục tiêu quản lý của cơ quan nhà nước và đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan nhà nước (Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 14 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 125.919.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 66.663.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 66.663.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

2. Chế độ báo cáo 02: Báo cáo việc thực hiện liên kết đào tạo theo từng năm học

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi, bổ sung nội dung chế độ báo cáo bao gồm các thành phần: Nội dung yêu cầu báo cáo; cơ quan nhận báo cáo; phương thức gửi, nhận báo cáo; thời hạn gửi báo cáo; tần suất thực hiện báo cáo; thời gian chốt số liệu báo cáo; mẫu đề cương báo cáo; biểu mẫu số liệu báo cáo; hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo.

Lý do: Việc quy định rõ ràng, chi tiết các biểu mẫu và các thành phần của chế độ báo cáo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện chế độ báo cáo, đảm bảo mục tiêu quản lý của cơ quan nhà nước và đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan nhà nước (Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 125.919.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 66.663.000 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 66.663.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

3. Chế độ báo cáo 03: Báo cáo đối với liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa đổi, bổ sung nội dung chế độ báo cáo bao gồm các thành phần: Nội dung yêu cầu báo cáo; cơ quan nhận báo cáo; phương thức gửi, nhận báo cáo; thời hạn gửi báo cáo; tần suất thực hiện báo cáo; thời gian chốt số liệu báo cáo; mẫu đề cương báo cáo; biểu mẫu số liệu báo cáo; hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo.

Lý do: Việc quy định rõ ràng, chi tiết các biểu mẫu và các thành phần của chế độ báo cáo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện chế độ báo cáo, đảm bảo mục tiêu quản lý của cơ quan nhà nước và đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan nhà nước (Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 27 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 25.183.800 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 19.258.200 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 5.925.600 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 23,52%.

**PHẦN X. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH:
HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC CÓ VỐN ĐẦU TƯ
NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM, PHÂN HIỆU CƠ SỞ GIÁO DỤC
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

I. Quy định về thủ tục hành chính

1. Thủ tục hành chính 1: Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2.000471)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

Mẫu hóa Đơn đề nghị bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục theo Mẫu số 01 Phụ lục X Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 49 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa
- + Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 37.923.840 đồng/năm
- + Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.442.880 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 9.480.960 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

2. Thủ tục hành chính 2: Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2.000681)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

+ Mẫu hóa Đơn đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại, trong đó nêu rõ kết quả khắc phục vi phạm dẫn đến bị đình chỉ tại điểm a khoản 5 Điều 50 theo Mẫu số 02 Phụ lục X Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Bỏ các thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, c khoản 5 Điều 50.

Lý do: Yêu cầu Cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam bị đình chỉ hoạt động nộp Quyết định thành lập đoàn kiểm tra và Biên bản kiểm tra là không hợp lý, các thành phần hồ sơ này do cơ quan có thẩm quyền cấp thực hiện và lưu giữ.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 50 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 33.775.920 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 22.517.280 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 11.258.640 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

3 Thủ tục hành chính 3: Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.000716) và Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (2.000462)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

+ Mẫu hóa Đơn đề nghị giải thể cơ sở giáo dục theo Mẫu số 03 Phụ lục X Phương án này.

+ Mẫu hóa Phương án giải thể, chấm dứt hoạt động của cơ sở giáo dục theo Mẫu số 04 Phụ lục X Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Phân cấp cơ quan có thẩm quyền quyết định giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên Chính phủ thành lập; phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2, Điều 40, Điều 51 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 52.072.640 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 37.923.840 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 14.148.800 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 27,17%.

4. Thủ tục hành chính 4: Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (2.000451)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

+ Mẫu hóa Báo cáo tóm tắt sự hình thành và phát triển của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài theo Mẫu số 05 Phụ lục X Phương án này.

+ Mẫu hóa Dự thảo Quy chế tổ chức, hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo Mẫu số 06 Phụ lục X Phương án này.

+ Mẫu hóa Văn bản giới thiệu nhân sự làm Trưởng văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam và lý lịch cá nhân của người được giới thiệu theo Mẫu số 07 Phụ lục X Phương án này.

Lý do: Việc quy định rõ ràng, chi tiết các biểu mẫu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm tối đa chi phí tuân thủ TTHC.

+ Phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 54, Điều 57, Điều 58 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 64.589.040 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 52.737.840 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 11.851.200 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 18,34%.

5. Thủ tục hành chính 5: Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (1.001492)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Bỏ yêu cầu nộp Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu với Quyết định cho phép thành lập văn phòng đại diện và bản sao hồ sơ đề nghị cấp có thẩm quyền cho phép thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài.

Lý do: Thành phần hồ đã có lưu trữ tại cơ quan quản lý có thẩm quyền.

+ Sửa quy định thành phần hồ sơ: Nhân sự làm việc tại văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và lý lịch cá nhân; địa điểm cụ thể đặt văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài và giấy tờ pháp lý có liên quan.

Lý do: Đây không phải là thành phần hồ sơ.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 59 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 99.550.080 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 67.551.840 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 31.998.240 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32,14%.

6. Thủ tục hành chính 6: Sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định thành lập

Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (2.000680)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

+ Mẫu hóa Đơn đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài trong đó nêu rõ nội dung, lý do sửa đổi, bổ sung, gia hạn Quyết định thành lập văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài theo Mẫu số 08 Phụ lục X Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Phân cấp thẩm quyền quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 57, khoản 4 Điều 60 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 82.958.400 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 65.181.600 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 17.776.800 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 21,4%.

7. Thủ tục hành chính 7: Chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện (1.001501)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa

+ Mẫu hóa Đơn đề nghị chấm dứt hoạt động của văn phòng đại diện trong đó nêu rõ lý do chấm dứt hoạt động theo Mẫu số 09 Phụ lục X Phương án này.

+ Mẫu hóa Phương án chấm dứt hoạt động, trong đó nêu rõ các biện pháp bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người lao động; phương án giải quyết tài chính, tài sản theo Mẫu số 10 Phụ lục X Phương án này.

Lý do: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí tuân thủ TTHC.

+ Phân cấp thẩm quyền quyết định chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của tổ chức, cơ sở giáo dục nước ngoài thành lập văn phòng đại diện từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 57, khoản 3 Điều 61 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 15.406.560 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 10.666.080 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 4.740.480 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30,7%.

8. Thủ tục hành chính 8: Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ (2.000545)

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ từ Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi khoản 2 Điều 40, Điều 42 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

II. Quy định về yêu cầu điều kiện trong hoạt động kinh doanh

1. Yêu cầu điều kiện 1: Điều kiện về giáo dục để cấp giấy chứng nhận đầu tư

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Quy định rõ ràng, cụ thể điều kiện về giáo dục để cấp giấy chứng nhận như sau:

“1. Việc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thành lập cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục mầm non có vốn đầu tư nước ngoài phải đáp ứng yêu cầu sau về Quy hoạch:

a) Đối với cơ sở giáo dục đại học: Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học theo quy định tại Điều 11 Luật Giáo dục đại học (sửa đổi và bổ sung năm 2018).

b) Đối với các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông: Phù hợp với nội dung quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật quy hoạch”.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 33 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 59.256.000 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 53.33.400 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 5.922.000 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9,9%.

2. Yêu cầu, điều kiện 2: Điều kiện về vốn đầu tư cho phép thành lập cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài; phân hiệu của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Quy định về vốn đầu tư cụ thể, có lộ trình như sau:

“- Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục phổ thông phải có suất đầu tư ít nhất là 50 triệu đồng/học sinh (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổng số vốn đầu tư ít nhất được tính toán căn cứ thời điểm có quy mô dự kiến cao nhất, nhưng không thấp hơn 50 tỷ đồng. Đến thời điểm thẩm định cho phép hoạt động giáo dục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 50% tổng số vốn đầu tư và nhà đầu tư phải cam kết đầu tư đủ số vốn trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có quyết định cho phép hoạt động.

- Dự án đầu tư thành lập cơ sở giáo dục đại học phải có tổng số vốn đầu tư tối thiểu là 1.000 tỷ đồng (không bao gồm các chi phí sử dụng đất). Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là chủ đầu tư dự án thực hiện việc chứng minh khả năng tài chính theo quy định của Luật Đầu tư. Đến thời điểm thẩm định cho phép thành lập trường đại học, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 500 tỷ đồng. Quy định về vốn đầu tư đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học nước ngoài tại Việt Nam thực hiện theo quy định về vốn đầu tư đối với phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học tại Việt Nam.

- Đối với các cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài không xây dựng cơ sở vật chất mới mà chỉ thuê lại hoặc do bên Việt Nam góp vốn bằng cơ sở vật chất sẵn có để triển khai hoạt động thì mức đầu tư ít nhất phải đạt 70% các mức quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này và đến thời điểm thẩm định cho phép hoạt động giáo dục, giá trị đầu tư phải thực hiện được trên 50% tổng số vốn đầu tư và nhà đầu tư phải cam kết đầu tư đủ số vốn trong thời hạn 5 năm kể từ ngày có quyết định cho phép hoạt động”.

Lý do: quy định cụ thể, có lộ trình rõ ràng để tạo thuận lợi cho nhà đầu tư lĩnh vực giáo dục.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung Điều 35 Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.442.880 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 21.332.160 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 7.110.720 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%%.

3. Yêu cầu điều kiện 3: Điều kiện về cơ sở vật chất đối với đối với cơ sở giáo dục mầm non

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Sửa lại điểm b khoản 2 Điều 36 như sau: “bảo đảm ánh sáng, bàn ghế, thiết bị, đồ dùng giảng dạy theo yêu cầu điều kiện thực hiện của chương trình giáo dục”.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 2 Điều 36 như sau: “Bảo đảm về diện tích, trang thiết bị của văn phòng nhà trường, phòng ban giám hiệu, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng dành cho nhân viên, đồ dùng phục vụ cho việc quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo yêu cầu điều kiện thực hiện của chương trình giáo dục”.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 Điều 36 như sau: “Có hệ thống nước sạch, hệ thống thoát nước, phòng vệ sinh, có thiết bị vệ sinh bảo đảm an toàn, sạch sẽ, đáp ứng mọi sinh hoạt của trường”.

+ Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 36 như sau: “Có nhà bếp được tổ chức theo quy trình hoạt động một chiều với các thiết bị, đồ dùng bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm nếu trường tổ chức nấu ăn cho trẻ”.

Lý do: Các tiêu chí được cụ thể hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật, như: Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT; Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT; Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010...; đồng thời, đảm bảo công tác quản lý nhà nước và tạo thuận lợi đối với cơ sở giáo dục.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 36 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 35.553.600 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 28.442.800 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 7.110.800 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

4. Yêu cầu điều kiện 4: Điều kiện về cơ sở vật chất đối với đối với cơ sở giáo dục phổ thông

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Sửa lại điểm c khoản 3 Điều 36 như sau: “Có văn phòng nhà trường, ban giám hiệu, phòng giáo viên, phòng họp”.

Lý do: Các tiêu chí được cụ thể hóa trong các văn bản quy phạm pháp luật, như: Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT; Thông tư số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT; Thông tư số 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11 tháng 02 năm 2010...; đồng thời, đảm bảo công tác quản lý nhà nước và tạo thuận lợi đối với cơ sở giáo dục.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 33.183.360 đồng/năm.

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 23.702.400 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 9.480.960 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,57%.

5. Yêu cầu điều kiện 5: Yêu cầu đối với chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa:

Bỏ yêu cầu, điều kiện về chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài “phải thể hiện mục tiêu giáo dục “phát triển con người của Việt Nam”; “phải bảo đảm điều kiện liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo”.

Lý do: Để bảo đảm rõ ràng, minh bạch trong quá trình xem xét, đánh giá của cơ quan quản lý nhà nước và trong thực hiện, áp dụng của các cơ sở giáo dục trong thực tiễn.

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 37 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 71.107.200 đồng/năm
- + Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 47.404.800 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 23.702.400 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,33%.

III. Quy định về chế độ báo cáo

1. Chế độ báo cáo 1: Báo cáo về tình hình phát triển toàn diện của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Sửa đổi, bổ sung nội dung chế độ báo cáo bao gồm các thành phần: Nội dung yêu cầu báo cáo; cơ quan nhận báo cáo; phương thức gửi, nhận báo cáo; thời hạn gửi báo cáo; tần suất thực hiện báo cáo; thời gian chốt số liệu báo cáo; mẫu đề cương báo cáo; biểu mẫu số liệu báo cáo; hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo.

Lý do: Việc quy định rõ ràng, chi tiết các biểu mẫu và các thành phần của chế độ báo cáo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện chế độ báo cáo, đảm bảo mục tiêu quản lý của cơ quan nhà nước và đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan nhà nước (Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 32 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

- + Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 239.986.800 đồng/năm.
- + Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 186.656.400 đồng/năm.
- + Chi phí tiết kiệm: 53.330.400 đồng/năm.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,22%.

2. Chế độ báo cáo 2: Báo cáo về hoạt động của văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam

- Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: Sửa đổi, bổ sung nội dung chế độ báo cáo bao gồm các thành phần: Nội dung yêu cầu báo cáo; cơ quan nhận báo cáo; phương thức gửi, nhận báo cáo; thời hạn gửi báo cáo; tần suất thực hiện báo cáo; thời gian chốt số liệu báo cáo; mẫu đề cương báo cáo; biểu mẫu số liệu báo cáo; hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo.

Lý do: Việc quy định rõ ràng, chi tiết các biểu mẫu và các thành phần của chế độ báo cáo nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện

chế độ báo cáo, đảm bảo mục tiêu quản lý của cơ quan nhà nước và đúng quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan nhà nước (Nghị định số 09/2019/NĐ-CP).

- Kiến nghị thực thi: Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 2 Điều 52 của Nghị định số 86/2018/NĐ-CP.

- Lợi ích phương án cắt giảm, đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 37.035.000 đồng/năm

+ Chi phí tuân thủ sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 25.183.800 đồng/năm.

+ Chi phí tiết kiệm: 11.851.200 đồng/năm.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 32%.



Phụ lục I

(Kèm theo Quyết định số 193/QĐ-TTg
ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ trình về việc thành lập Trường mầm non ...
Mẫu số 02	Đề án thành lập trường ...
Mẫu số 03	Quyết định về việc thành lập/cho phép thành lập trường ...
Mẫu số 04	Tờ trình về việc đề nghị cho phép hoạt động giáo dục ...
Mẫu số 05	Quyết định về việc cho phép hoạt động giáo dục đối với trường ...
Mẫu số 06	Tờ trình sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ ...
Mẫu số 07	Đề án sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ ...
Mẫu số 08	Quyết định về việc sáp nhập/chia tách trường... và trường...
Mẫu số 09	Tờ trình đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại
Mẫu số 10	Tờ trình về việc đề nghị cho phép thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập ...
Mẫu số 11	Tờ trình đề nghị cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại

Mẫu số 01

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
, ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc thành lập Trường mầm non

Kính gửi:

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số ... ngày... của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non.

Đề nghị Ủy ban nhân dân quận/huyện.....cho phép thành lập trường mầm non loại hình..... (Công lập/Dân lập/Tư thục)

Thông tin về trường mầm non xin cấp phép thành lập như sau:

I. CHỦ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

1. Họ và tên:
2. Tổ chức đại diện:
3. Giới tính: 4. Ngày sinh:
5. Số CMND: cấp ngày...../...../..... tại
6. Địa chỉ thường trú:
7. Nơi ở hiện nay:
8. Trình độ:

II. TÊN, VỊ TRÍ, QUY MÔ

1. Tên trường:
2. Địa chỉ:

(Đề án và hồ sơ kèm theo)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân quận/huyện... thực hiện các thủ tục cấp phép thành lập đối với trường... theo quy định.

Ký, ghi rõ họ và tên

**ĐỀ ÁN
THÀNH LẬP TRƯỜNG**

..., tháng ... năm ...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /ĐA

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ ÁN
Thành lập trường...

I. SỰ CẦN THIẾT

Mô tả sự cần thiết thành lập trường

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ: Các căn cứ pháp lý hiện hành

- Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
- Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục và Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 46/2017/NĐ-CP;
- Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 ban hành Điều lệ Trường mầm non;
- Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục đồ dùng - đồ chơi - thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non;
- Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;
- Căn cứ vào nhu cầu thực tế của nhân dân khu vực trên địa bàn phường (xã) có con em trong độ tuổi mầm non.

III. TÊN GỌI, MỤC TIÊU, CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

1. Tên trường (Tên tiếng Việt)
2. Mục tiêu: Mô tả cụ thể mục tiêu của nhà trường
3. Chức năng và nhiệm vụ: Mô tả cụ thể chức năng, nhiệm vụ theo các quy định hiện hành và quy định của pháp luật.

IV. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

1. Chương trình giáo dục: Mô tả nội dung phát triển chương trình nhà trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Các nội dung tích hợp (nếu có): Mô tả vận dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến, các nội dung nâng cao chất lượng...

3. Kế hoạch/lộ trình triển khai thực hiện.
4. Cơ sở vật chất, thiết bị của nhà trường.
5. Đội ngũ giáo viên theo quy định.
6. Phương tiện, học liệu tham khảo và các điều kiện khác...

V. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, QUY MÔ TUYỂN SINH

1. Đối tượng tuyển sinh
2. Dự kiến quy mô tuyển sinh trong các năm học

Năm học	Tổng số		Nhà Trẻ		MGB		MGN		MGL		Giáo viên	Nhân viên
	Lớp	Trẻ	Lớp	Trẻ	Lớp	Trẻ	Lớp	Trẻ	Lớp	Trẻ		

3. Dự kiến tổ chức bộ máy: Thực hiện theo Điều lệ trường mầm non

Năm học	Tổng số HS toàn trường/nhóm lớp	Nhân sự theo định biên				Tổng số CB, GV toàn trường	Bình quân GV/Lớp
		BHG	GV	NV			
				Nuôi	Khác		

- a) Vị trí việc làm

- Đội ngũ cán bộ quản lý: Chủ đầu tư, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng

Họ tên, ngày sinh, giới tính, trình độ, Số CMND, Hộ khẩu thường trú; trình độ: Sư phạm mầm non, Chứng chỉ quản lý mầm non, Số năm công tác trong ngành mầm non.

- Đội ngũ giáo viên: Đạt chuẩn trình độ đào tạo tỷ lệ ; Trên chuẩn tỉ lệ

- Đội ngũ nhân viên: Đạt chuẩn trình độ đào tạo tỷ lệ ; Trên chuẩn tỉ lệ

- b) Chế độ chính sách: Hợp đồng lao động; Bảo hiểm

VI. TÀI CHÍNH

1. Học phí.

2. Các nguồn tài trợ, đầu tư khác.

3. Cơ chế quản lý thu, chi, đóng góp (nếu có): Dự kiến các khoản thu, chi trong từng năm học.

a) Dự kiến các khoản thu của cơ sở trong từng năm học

STT	Nội dung	Năm học	Năm học	Năm học
1	Học phí			
2	Tiền ăn			
3	Học phẩm			
4	Cơ sở vật chất			

b) Dự kiến các khoản chi

STT	Nội dung chi	Tỷ lệ chi
1	Tiền lương, phụ cấp lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động; các khoản chi phí cho hoạt động chuyên môn, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên trường%
2	Quản lý hành chính%
3	Đầu tư xây dựng, sửa chữa cơ sở vật chất, chi trả tiền thuê cơ sở vật chất, mua sắm tài liệu, trang thiết bị đồ dùng dạy học%
4	Khấu hao tài sản cố định%
5	Chi phúc lợi tập thể, khen thưởng; các hoạt động nhân đạo, từ thiện%
6	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật và quy chế chi tiêu nội bộ của trường không trái với quy định của pháp luật%

VII. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Mô tả cơ sở vật chất, trang thiết bị ban đầu đảm bảo theo quy định.

- Kế hoạch cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung mua sắm, bảo quản các thiết bị đồ dùng, đồ chơi phù hợp với yêu cầu chăm sóc giáo dục trẻ.

VIII. HỆ THỐNG HỒ SƠ, SỔ SÁCH

1. Đối với nhà trường

a) Hồ sơ quản lý trẻ em;

b) Hồ sơ quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên;

c) Kế hoạch phát triển nhà trường và kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo năm học;

d) Hồ sơ phổ cập giáo dục;

đ) Hồ sơ quản lý tài sản, tài chính;

e) Hồ sơ quản lý các văn bản.

2. Đối với tổ chuyên môn, tổ văn phòng:

a) Kế hoạch hoạt động;

b) Sổ ghi chép nội dung sinh hoạt chuyên môn của tổ.

3. Đối với giáo viên

a) Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo;

b) Sổ theo dõi trẻ em;

c) Sổ theo dõi tài sản, thiết bị, đồ chơi của nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

IX. CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

- Các điều kiện đảm bảo quy định về phòng cháy chữa cháy: thiết kế cơ sở vật chất, trang thiết bị tối thiểu, phương án phòng cháy chữa cháy.

- Chứng chỉ bồi dưỡng phòng cháy chữa cháy của đội ngũ.

X. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG, QUẢN LÝ RỦI RO

1. Biện pháp bảo đảm chất lượng.

2. Biện pháp quản lý rủi ro.

Phụ lục kèm theo

1. Danh sách trích ngang, lý lịch của đội ngũ giáo viên.

2. Quyết định phê duyệt phương án phòng cháy chữa cháy.

UBND HUYỆN/QUẬN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

....., ngàytháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thành lập/cho phép thành lập trường****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN....***Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;**Căn cứ Nghị định số ngày ... của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;**Căn cứ Thông tư số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non;**Theo đề nghị của...tại Tờ trình số ... về việc đề nghị thành lập/cho phép thành lập trường ... và văn bản thẩm định của Phòng Giáo dục và Đào tạo ...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thành lập/cho phép trường

Địa chỉ:

Điều 2. Trường hoạt động theo quy định của pháp luật.

Phòng Giáo dục và Đào tạo... thực hiện chức năng tham mưu giúp Ủy ban nhân dân huyện... thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục đối với trường... theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các tổ chức, cá nhân... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

...

CHỦ TỊCH

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TTr

...., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị cho phép hoạt động giáo dục

Kính gửi:.....

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ quy định về đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Đề nghị Ủy ban nhân dân.....cho phép thành lập nhóm trẻ/lớp mẫu giáo/lớp mầm non độc lập loại hình..... (Công lập/Dân lập/Tư thực)

Thông tin về các điều kiện thành lập và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non độc lập loại hình như sau:

I. CHỦ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

1. Họ và tên:
2. Tổ chức đại diện:
3. Giới tính: 4. Ngày sinh:
5. Số CMND: cấp ngày...../...../..... tại
6. Địa chỉ thường trú:
7. Nơi ở hiện nay:
8. Trình độ:

II. TÊN, VỊ TRÍ, QUY MÔ

1. Tên cơ sở giáo dục mầm non độc lập:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Quy mô:
 - Tổng số nhóm, lớp:
 - Trong đó :nhóm trẻ,lớp mẫu giáo.....
 - Tổng số trẻ :
 - Trong đó :trẻ lứa tuổi nhà trẻ,trẻ lứa tuổi mẫu giáo.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Khối công trình:.....
(*nhà riêng ghi rõ mấy tầng sử dụng, chung cư ghi rõ tầng sử dụng*)
2. Số phòng CSNDGD trẻ : Diện tích bình quân:m²/trẻ
 - Diện tích phòng 1: m²
 - Diện tích phòng 2: m²
3. Diện tích nhà vệ sinh:
 - Diện tích phòng 1: m²
 - Diện tích phòng 2: m²
4. Diện tích nhà bếp: (*nếu có tổ chức ăn bán trú*)
5. Diện tích chỗ chơi cho trẻ:m²/trẻ
6. Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Chủ cơ sở:.....Trình độ:.....
 2. Tổ trưởng chuyên môn:..... Trình độ:.....
 3. Tổng số giáo viên:
- Trong đó : - Trung cấp:..... - Cao đẳng:..... - Đại học:.....
4. Tổng số nhân viên:
 - Nhân viên nấu ăn:..... (Đạt chuẩn:..... ; chưa đạt chuẩn:.....)
 - Văn phòng:

(*Có danh sách cụ thể kèm theo - Biểu 1*)

V. TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

1. Tài chính :
 - Học phí :đ/tháng
 - Tiền ăn :đ/ngày
 - Các khoản thu khác :.....
 - Mức lương tối thiểu cho giáo viên :.....
 - Mức lương tối thiểu cho nhân viên :.....
2. Tài sản: Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, học liệu, tài liệu theo quy định
(*Có danh mục kèm theo - Biểu 2*)

VI. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

(Có kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ em và thực đơn cho trẻ nếu có tổ chức ăn bán trú kèm theo - Kế hoạch theo mẫu chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xem xét và phê duyệt.

Trân trọng !

NGƯỜI TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 1**DANH SÁCH ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ**

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Trình độ
1			Chủ cơ sở	
2			Tổ trưởng CM – GV	
3			Giáo viên	
4			Nhân viên	

Biểu 2**DANH MỤC THIẾT BỊ - ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI - TÀI LIỆU**

STT	Tên TB - ĐDDC	ĐVT	Số lượng	Đối tượng sử dụng
I	Thiết bị			
1				
2				
II	Đồ dùng đồ chơi			
1				
2				
III	Tài liệu			
1				
2				

.....
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-GDDT

..., ngàytháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép hoạt động giáo dục đối với trường

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số...ngày...của Chính phủ về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số ngày ... của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non;

Theo đề nghị của trường.... tại Tờ trình số ... về việc đề nghị cho phép hoạt động giáo dục và kết quả thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế tại trường...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép trường ..., có địa chỉ tại... được hoạt động giáo dục.

Điều 2. Trường hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trường..., các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

.....

Chức vụ, ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ và tên)

Mẫu số 06

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TTr-UBND

..., ngày...tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ**

Kính gửi:

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số...ngày... của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;**Căn cứ Nghị định số...ngày... của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;**Căn cứ Thông tư số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non;*Ủy ban nhân dân phường/xã.....kính trình UBND quận/huyện.....
xem xét quyết định việc sáp nhập Trường..... vào Trường..... như sau:

1. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý
2. Phương án xử lý các vấn đề về nhân sự, tổ chức bộ máy, tài chính, tài sản, đất đai và các vấn đề khác có liên quan
 - a) Về nhân sự, tổ chức bộ máy
 - b) Về tài chính, tài sản
 - c) Về đất đai
 - d) Các vấn đề khác có liên quan
3. Các văn bản của cơ quan có thẩm quyền xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan (nếu có).
4. Trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập và các cá nhân có liên quan đối với việc thực hiện phương án sáp nhập

Ủy ban nhân dân phường kính trình Ủy ban nhân dân quận/huyện xem xét, quyết định việc sáp nhập/chia tách Trường và Trường như nội dung Đề án đã xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....

NGƯỜI TRÌNH*(Ký, ghi rõ họ tên)*

.....
_____**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /ĐA

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ ÁN**Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số...ngày...của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số...ngày... của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Căn cứ Thông tư số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập;

Căn cứ Thông tư số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở;

Căn cứ vào nhu cầu thực tế của nhân dân khu vực trên địa bàn phường (xã) có con em trong độ tuổi mầm non.

Ủy ban nhân dân phường/xã..... xây dựng Đề án dự kiến sáp nhập/chia tách Trường.....vào Trường..... như sau:

Phần I**SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ SÁP NHẬP/CHIA TÁCH TRƯỜNG VỚI TRƯỜNG.....****I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN SÁP NHẬP/CHIA TÁCH**

Mục tiêu sáp nhập/chia tách:

- Nhằm tinh giản bộ máy quản lý, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của đơn vị sự nghiệp tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Phù hợp với tình hình phát triển của địa phương về trước mắt và lâu dài.

- Đáp ứng được nguyện vọng chính đáng của nhân dân, đáp ứng nhu cầu học tập của con em trên địa bàn phường.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ THỰC TIỄN THỰC HIỆN SÁP NHẬP/CHIA TÁCH

1. Cơ sở pháp lý

2. Cơ sở thực tiễn

a) Đặc điểm chung

b) Hiện trạng Trường và Trường

- Trường

Địa chỉ

Vị trí địa lý

Diện tích

Cơ sở vật chất

Tài chính

Tài sản cố định, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi

Nhân sự

Tổ chức bộ máy

Số trẻ hiện tại

Hệ thống chính trị

- Trường

Địa chỉ

Vị trí địa lý

Diện tích

Cơ sở vật chất

Tài chính

Tài sản cố định, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi

Nhân sự

Tổ chức bộ máy

Số trẻ hiện tại

Hệ thống chính trị

Phần II

PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ VỀ NHÂN SỰ, TỔ CHỨC BỘ MÁY, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, ĐẤT ĐAI VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN

I. VỀ TỔ CHỨC VÀ TÊN GỌI

II. VỀ CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ**III. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ VỀ NHÂN SỰ, TỔ CHỨC BỘ MÁY, TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, ĐẤT ĐAI VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN**

1. Về nhân sự, tổ chức bộ máy
2. Về tài chính, tài sản
3. Về đất đai
4. Các vấn đề khác có liên quan

Phần III**PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CÁC VẤN BẮN CỦA CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN XÁC NHẬN VỀ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN, ĐẤT ĐAI, CÁC KHOẢN VAY, NỢ PHẢI TRẢ VÀ CÁC VẤN ĐỀ KHÁC CÓ LIÊN QUAN (NẾU CÓ)****I. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI CHÍNH****II. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ CÁC HỢP ĐỒNG VAY VỐN****Phần IV****QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI VIỆC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SÁP NHẬP**

Ủy ban nhân dân phường/xã..... báo cáo và kính trình Đề án sáp nhập/chia tách Trường.....và Trường....., kính đề nghị Ủy ban nhân dân quận/huyện và các cơ quan chức năng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

-

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên

Mẫu số 08

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..... /QĐ-UBND

..., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc sáp nhập/chia tách trường..... và trường.....****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN/HUYỆN.....***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số...ngày...của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;**Căn cứ Nghị định số...ngày...của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;**Căn cứ Thông tư số...ngày...của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non;**Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số .../TTr-GD&ĐT ngày thángnăm ... về sáp nhập/chia tách Trường..... và Trường.....***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Sáp nhập/chia tách Trường..... và Trường... thành Trường.....**Điều 2.** Trường.....được thừa kế các quyền lợi và chịu trách nhiệm các nghĩa vụ hợp pháp được chuyển giao từ Trường... và thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Trường mầm non và các quy định của pháp luật hiện hành.**Điều 3.** Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo quận/huyện chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân quận/huyện tổ chức thực hiện việc bàn giao tài sản, tài chính, cơ sở vật chất, hồ sơ kỹ thuật, tài liệu, nhân sự trong quá trình sáp nhập/chia tách Trường..... và Trường..... theo quy định của pháp luật.**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày..... và bãi bỏ Quyết định thành lập Trường..... và Trường.....**Điều 5.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Quận/huyện, Trưởng phòng Nội vụ Quận/huyện, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo Quận/huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã (phường).... các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.*Nơi nhận:*

.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TTr-...

..., ngày... tháng năm ...

TỜ TRÌNH
Đề nghị cho phép hoạt động giáo dục trở lại

Kính gửi: Phòng Giáo dục và Đào tạo.....

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số ngày ... của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-PGDĐT ngày ... của Phòng Giáo dục và Đào tạo quận/huyện về việc đình chỉ hoạt động trường...

Trường... đã thực hiện theo quy định các nội dung như sau:

1.....

2.....

Trường... cam kết đã đảm bảo các điều kiện hoạt động theo đúng quy định. Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo..... thực hiện các thủ tục cấp phép hoạt động giáo dục trở lại đối với trường... theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, GDĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TTr

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị cho phép thành lập nhóm trẻ,
lớp mẫu giáo độc lập**

Kính gửi:.....

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số ... ngày ... của Chính phủ quy định về đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số...ngày... của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập dân lập và tư thục;

Đề nghị Ủy ban nhân dân.....cho phép thành lập nhóm trẻ/lớp mẫu giáo/lớp mầm non độc lập loại hình..... (*Công lập/Dân lập/Tư thục*)

Thông tin về các điều kiện thành lập và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non độc lập loại hình như sau:

I. CHỦ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

1. Họ và tên:
2. Tổ chức đại diện:
3. Giới tính: 4. Ngày sinh:
5. Số CMND: cấp ngày...../...../..... tại
6. Địa chỉ thường trú:
7. Nơi ở hiện nay:
8. Trình độ:

II. TÊN, VỊ TRÍ, QUY MÔ

1. Tên cơ sở giáo dục mầm non độc lập:
2. Địa chỉ:
3. Điện thoại:
4. Quy mô:

- Tổng số nhóm, lớp:

Trong đó :nhóm trẻ,lớp mẫu giáo.....

- Tổng số trẻ :

Trong đó :trẻ lứa tuổi nhà trẻ,trẻ lứa tuổi mẫu giáo.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Khối công trình:.....

(nhà riêng ghi rõ máy tầng sử dụng, chung cư ghi rõ tầng sử dụng)

2. Số phòng CSNDGD trẻ : Diện tích bình quân:m²/trẻ

- Diện tích phòng 1: m²

- Diện tích phòng 2: m²

3. Diện tích nhà vệ sinh:

- Diện tích phòng 1: m²

- Diện tích phòng 2: m²

4. Diện tích nhà bếp: *(nếu có tổ chức ăn bán trú)*

5. Diện tích chỗ chơi cho trẻ:m²/trẻ

6. Hệ thống phòng cháy chữa cháy:

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC

1. Chủ cơ sở:.....Trình độ:.....

2. Tổ trưởng chuyên môn:..... Trình độ:.....

3. Tổng số giáo viên:

Trong đó : - Trung cấp:..... - Cao đẳng:..... - Đại học:.....

4. Tổng số nhân viên:

- Nhân viên nấu ăn:... (Đạt chuẩn:..... ; chưa đạt chuẩn:.....)

- Văn phòng:

(Có danh sách cụ thể kèm theo - Biểu 1)

V. TÀI CHÍNH, TÀI SẢN

1. Tài chính:

- Học phí:đ/tháng

- Tiền ăn:đ/ngày

- Các khoản thu khác :.....

- Mức lương tối thiểu cho giáo viên:.....

- Mức lương tối thiểu cho nhân viên:.....

2. Tài sản: Trang thiết bị, đồ dùng đồ chơi, học liệu, tài liệu theo quy định
(Có danh mục kèm theo - Biểu 2)

VI. CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

(Có kế hoạch chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ em và thực đơn cho trẻ nếu có tổ chức ăn bán trú kèm theo - Kế hoạch theo mẫu chỉ đạo của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân xã cấp phép thành lập và hoạt động đối với nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập... (loại hình) theo đúng quy định.

Trân trọng !

NGƯỜI TRÌNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 1

DANH SÁCH ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh	Trình độ
1			Chủ cơ sở	
2			Tổ trưởng CM - GV	
3			Giáo viên	
4			Nhân viên	
..				

Biểu 2

DANH MỤC THIẾT BỊ - ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI - TÀI LIỆU

STT	Tên TB - ĐDDC	ĐVT	Số lượng	Đối tượng sử dụng
I	Thiết bị			
1				
2				
II	Đồ dùng đồ chơi			
1				
2				
III	Tài liệu			
1				
2				

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /TTr-...

....., ngày... tháng năm...

TỜ TRÌNH

**Đề nghị cho phép nhóm trẻ,
 lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại**

Kính gửi:

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số...ngày...của Chính phủ về việc quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ Nghị định số ...ngày... của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số ... ngày ... của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, lớp mầm non độc lập dân lập và tư thục;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-PGDĐT ngày ... của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện về việc đình chỉ hoạt động cơ sở giáo dục mầm non độc lập...

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập... đã thực hiện theo quy định các nội dung như sau:

- 1.
- 2.

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập cam kết đã đảm bảo các điều kiện hoạt động theo đúng quy định. Đề nghị Phòng Giáo dục và Đào tạo..... thực hiện các thủ tục cấp phép hoạt động giáo dục trở lại đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập... theo đúng quy định.

Nơi nhận:

.....

Ký và ghi rõ họ tên



Phụ lục II

(Kèm theo Quyết định số 193/QĐ-TTg
ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị ...
Mẫu số 02	Đề án...
Mẫu số 03	Quyết định về việc...

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(2)...., ngày... tháng... năm ...

TỜ TRÌNH
Đề nghị(3)...

Kính gửi:(4).....

I. THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

II. SỰ CẦN THIẾT(3)....

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Tên cơ sở giáo dục:

Địa điểm:

Số điện thoại: Fax:

Website (nếu có): Email:.....

Trên đây là Tờ trình đề nghị(3). Xin kính trình ...(4)... xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1)..../(2).....) (5)

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu.

QUYỀN HẠN/CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức trình (nếu có).
- (2) Địa danh.
- (3) Tên cơ sở giáo dục cần thành lập.
- (4) Cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
- (5) Các tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo.

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

ĐỀ ÁN

.....

I. MỞ ĐẦU

1. Đặt vấn đề.
2. Cơ sở pháp lý.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP (SÁP NHẬP, CHIA TÁCH.....)

1. Sự cần thiết
2. Mục tiêu đầu tư.
3. Tác động xã hội đối với địa phương, khu vực.
4. Giới thiệu khái quát về chủ đầu tư.

III. CƠ SỞ GIÁO DỤC (tên cơ sở giáo dục)

1. Tên cơ sở giáo dục.
2. Địa chỉ.
3. Địa điểm xây dựng/thuê.
4. Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ.
5. Ngành nghề, quy mô.
6. Văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận: Mẫu bằng tốt nghiệp, chứng chỉ/chứng nhận dự kiến sẽ cấp, tính tương đương với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.

IV. CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, GIẢNG DẠY

1. Hội đồng trường/thành viên/quản trị ...
2. Ban giám đốc/giám hiệu.
3. Các khoa/bộ môn/bộ phận chuyên môn.
4. Các phòng ban chức năng.
5. Các tổ chức chính trị, xã hội.

V. CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP (CHIA TÁCH, SÁP NHẬP)

1. Vốn đầu tư.

2. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đầu tư xây dựng/thuê.
3. Chương trình giáo dục.
4. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý.
5. Giáo trình, học liệu tham khảo, thư viện và các điều kiện khác.

VI. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Kế hoạch xây dựng/thuê cơ sở vật chất (quy mô, diện tích, hạng mục, phương án kỹ thuật, công nghệ, các bước triển khai thực hiện).
2. Kế hoạch xây dựng đội ngũ giáo viên/giảng viên.
3. Nguồn tài chính thực hiện.

VII. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG

1. Cơ sở pháp lý.
2. Hệ thống các giải pháp (tổ chức, hành chính, giảng dạy, đào tạo, người học, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, tài chính, bảo đảm chất lượng ...)

VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH VÀ XÃ HỘI

1. Đánh giá hiệu quả thông qua các chỉ tiêu về tài chính, đầu tư.
2. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội.

IX. ĐIỂM KHÁC BIỆT CỦA (tên cơ sở) VỚI CÁC CƠ SỞ KHÁC

X. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

XI. PHỤ LỤC

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /QĐ-...³...

...⁴..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc.....⁵.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁶

Căn cứ⁷.....;

Căn cứ;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.....⁸.....

Điều...

...../.

Nơi nhận:

- Như Điều.....;
-
- Lưu: VT,....⁹...¹⁰.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

- ¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
- ² Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
- ³ Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
- ⁴ Địa danh.
- ⁵ Trích yếu nội dung quyết định.
- ⁶ Thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về người đứng đầu cơ quan, tổ chức thì ghi chức vụ của người đứng đầu; nếu thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về tập thể lãnh đạo hoặc cơ quan, tổ chức thì ghi tên tập thể hoặc tên cơ quan, tổ chức đó.
- ⁷ Các căn cứ để ban hành quyết định.
- ⁸ Nội dung quyết định.
- ⁹ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
- ¹⁰ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).



Phụ lục III

(Kèm theo Quyết định số 193 /QĐ-TTg
ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Về việc đề nghị thành lập, cho phép thành lập ...
Mẫu số 02	Đề án thành lập ...
Mẫu số 03	Quyết định về việc...
Mẫu số 04	Tờ trình đề nghị thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập ...
Mẫu số 05	Đề án thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập ...
Mẫu số 06	Tờ trình đề nghị thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học ...
Mẫu số 07	Đề án thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học ...

.....(1).....
(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /.....-.....
 V/v đề nghị thành lập, cho
 phép thành lập ...(3)...

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

.....(4).....
 đề nghị thành lập, cho phép thành lập(5).....

1. Lý do đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục thường xuyên

.....
 2. Thông tin về cơ sở giáo dục thường xuyên đề nghị thành lập, cho phép thành lập:

Tên cơ sở giáo dục thường xuyên:(6).....

Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:(7).....

Số điện thoại: Fax:

Website (nếu có): Email:.....

3. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu của cơ sở giáo dục thường xuyên:

4. Dự kiến quy mô tuyển sinh và đối tượng học viên

a) Tại trụ sở chính

- Đối tượng học viên:

b) Quy mô học viên:

TT	Chương trình giáo dục thường xuyên	Thời gian thực hiện	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	Chương trình XMC (9)						
1							
...						

II	Chương trình giáo dục cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ (10)						
1							
...						
III	Các chương trình bồi dưỡng (11)						
1							
IV	Chương trình giáo dục thường xuyên lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân (12)						
....						
V	Tổng cộng						

(Kèm theo đề án thành lập/cho phép thành lập cơ sở giáo dục thường xuyên)

Đề nghị(13)..... xem xét quyết định./.

(14)

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:

- (1): Tên cơ quan chủ quản (nếu có).
- (2): Tên cơ quan, tổ chức đề nghị thành lập cơ sở giáo dục thường xuyên.
- (3), (5), (6): Ghi cụ thể tên cơ sở giáo dục thường xuyên đề nghị thành lập, cho phép thành lập (ví dụ: trung tâm giáo dục thường xuyên A, trung tâm học tập cộng đồng B, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên C).
- (4): Ghi tên đầy đủ của cơ quan chủ quản đối với đề nghị thành lập cơ sở giáo dục thường xuyên công lập; của tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế đối với đề nghị cho phép thành lập cơ sở giáo dục thường xuyên tư thực.
- (7): Ghi địa điểm dự kiến đặt trụ sở chính của cơ sở giáo dục thường xuyên đề nghị thành lập, cho phép thành lập.
- (9) - (12): cơ sở giáo dục thường xuyên điền thông tin vào nội dung này.
- (13): Người có thẩm quyền thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục thường xuyên.
- (14): Chức danh người đứng đầu cơ quan, đơn vị, tổ chức đề nghị thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục thường xuyên.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐỀ ÁN
Thành lập.....(1).....

Phần thứ nhất
SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP(2).....

1. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội và xu thế học tập của người dân trên địa bàn (hoặc lĩnh vực).
2. Thực trạng cung ứng các chương trình giáo dục thường xuyên trên địa bàn (hoặc lĩnh vực).
3. Thực trạng các cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn (hoặc lĩnh vực).
4. Nhu cầu giáo dục(3).... trên địa bàn (hoặc lĩnh vực) và các tỉnh lân cận.

-
5. Dự kiến quá trình hình thành và phát triển
 - a) Sơ lược quá trình hình thành và phát triển.
 - b) Về cơ sở vật chất.
 - c) Về thiết bị giáo dục.
 - d) Về đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý.
 - đ) Về chương trình, giáo trình, đào tạo.
 - e) Về kinh phí hoạt động.

Phần thứ hai
MỤC TIÊU ĐÀO TẠO, CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CÁC ĐIỀU KIỆN
BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA.....(4).....

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ(5)..... ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP, CHO PHÉP THÀNH LẬP

1. Tên:(6).....
Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh (nếu có):
 2. Địa chỉ trụ sở chính:(7).....
 3. Phân hiệu/địa điểm đào tạo (nếu có):
 4. Số điện thoại:, Fax:
Website:, Email:
 5. Cơ quan chủ quản/cơ quan quản lý trực tiếp (nếu có):
 6. Họ và tên người dự kiến làm Giám đốc trung tâm:
-

(Có sơ yếu lý lịch kèm theo)

- Chức năng, nhiệm vụ của cơ sở giáo dục thường xuyên :

II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. Mục tiêu chung:

2. Mục tiêu cụ thể: Tên ngành, nghề, quy mô đào tạo, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo.

a) Dự kiến quy mô tuyển sinh

TT	Tên ngành, nghề và trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Dự kiến quy mô tuyển sinh				
			20..	20..	20..	20..	20..
I	Chương trình XMC (8)						
1							
2							
...						
II	Chương trình giáo dục đáp ứng nhu cầu người học, cập nhật kiến thức, kỹ năng, chuyển giao công nghệ (9)						
1							
2							
...						
III	Các chương trình bồi dưỡng (10)						
1							
2							
...							
IV	Chương trình giáo dục thường xuyên lấy văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân (11)						
1							
2							
...						
IV	Tổng cộng						

III. CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. Cơ cấu tổ chức

- a) Ban giám hiệu/Ban giám đốc;
- b) Các phòng chức năng;
- c) Các tổ bộ môn thuộc cơ sở giáo dục thường xuyên;
- d) Các đơn vị phục vụ đào tạo, cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ (nếu có);
- đ) Các Hội đồng tư vấn;
- e) Tổ chức đảng, các đoàn thể.

2. Chức năng, nhiệm vụ của Giám đốc, Phó Giám đốc, các Hội đồng và các phòng, bộ môn/tổ bộ môn.

IV. CÁC ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

1. Cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo

a) Cơ sở vật chất:

- Diện tích đất sử dụng:

+ Đất xây dựng:

+ Đất lưu không:

- Diện tích xây dựng:

+ Khu hiệu bộ, khu học lý thuyết, khu học thực hành.

+ Khu phục vụ: Thư viện, thể thao, ký túc xá, nhà ăn, y tế...

+ Các hạng mục khác...

b) Danh mục thiết bị, dụng cụ, phương tiện đào tạo theo từng ngành, nghề (tên, số lượng, năm sản xuất...).

2. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý

a) Số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo, nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng thường xuyên của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý;

b) Số lượng, cơ cấu, trình độ đào tạo của đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy cho từng ngành, lĩnh vực.

4. Nguồn vốn và kế hoạch sử dụng vốn để thực hiện đề án

a) Nguồn vốn (14);

b) Kế hoạch sử dụng vốn (trong đó phải cam kết sử dụng nguồn vốn để đầu tư xây dựng và chi cho các hoạt động của cơ sở giáo dục thường xuyên sau khi được thành lập, cho phép thành lập).

Phần thứ ba

KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kế hoạch và tiến độ hoàn thiện cơ sở vật chất.

2. Kế hoạch và tiến độ mua sắm thiết bị.
3. Kế hoạch và tiến độ tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý.
4. Kế hoạch và tiến độ phát triển chương trình, tài liệu.
5. Tổng hợp kế hoạch, tiến độ sử dụng nguồn vốn để thực hiện từng nội dung trên.

Phần thứ tư
HIỆU QUẢ KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Về kinh tế.
2. Về xã hội, môi trường.
3. Tính bền vững của đề án.

(12)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(13)
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Hướng dẫn:

(1), (2), (4), (5), (6): Ghi cụ thể tên cơ sở giáo dục thường xuyên đề nghị thành lập, cho phép thành lập như: Trung tâm giáo dục thường xuyên A, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên B, Trung tâm ngoại ngữ, tin học C.

(3): Ghi các chương trình dự kiến”.

(7): Ghi địa điểm nơi dự kiến đặt trụ sở chính của cơ sở giáo dục thường xuyên đề nghị thành lập (phường/xã/thị trấn, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

(8), (11): Trung tâm giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên điền thông tin vào nội dung này; các trung tâm khác tùy theo chức năng điền các thông tin vào trong bảng đó.

(12): Phê duyệt của người đứng đầu cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp (nếu có).

(13): Người đứng đầu hoặc người đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân lập đề án.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-...³...

...⁴..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc.....⁵.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁶

Căn cứ.....⁷.....;

Căn cứ.....;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.....⁸.....

Điều...

.....
...../.

Nơi nhận:

- Như Điều.....;
-
- Lưu: VT,....⁹...¹⁰.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

- ¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).
- ² Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
- ³ Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.
- ⁴ Địa danh.
- ⁵ Trích yếu nội dung quyết định.
- ⁶ Thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về người đứng đầu cơ quan, tổ chức thì ghi chức vụ của người đứng đầu; nếu thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về tập thể lãnh đạo hoặc cơ quan, tổ chức thì ghi tên tập thể hoặc tên cơ quan, tổ chức đó.
- ⁷ Các căn cứ để ban hành quyết định.
- ⁸ Nội dung quyết định.
- ⁹ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).
- ¹⁰ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(2)...., ngày..... tháng..... năm ...

TỜ TRÌNH

Đề nghị thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
.....(3)...

Kính gửi :(4).....

I. THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

II. SỰ CẦN THIẾT(3)....

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Tên cơ sở giáo dục:

Địa điểm:

Số điện thoại: Fax:

Website (nếu có): Email:.....

Trên đây là tờ trình đề nghị.....(3). Xin kính trình ...(4)... xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1)..../(2).....) (5)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu.

QUYỀN HẠN/CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức trình (nếu có).
- (2) Địa danh.
- (3) Tên cơ sở giáo dục cần thành lập.
- (4) Cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
- (5) Các tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo.

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

ĐỀ ÁN

Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập
.....(3).....

I. MỞ ĐẦU

1. Đặt vấn đề.
2. Cơ sở pháp lý.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP (HOẶC)

1. Sự cần thiết
2. Mục tiêu đầu tư.
3. Tác động xã hội đối với địa phương, khu vực.
4. Giới thiệu khái quát về chủ đầu tư.

III. CƠ SỞ GIÁO DỤC (tên cơ sở giáo dục)

1. Tên cơ sở giáo dục.
2. Địa chỉ.
3. Địa điểm xây dựng/thuê.
4. Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ.
5. Ngành nghề, quy mô.
6. Văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận: Mẫu bằng tốt nghiệp, chứng chỉ/chứng nhận dự kiến sẽ cấp, tính tương đương với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.

IV. CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, GIẢNG DẠY

1. Hội đồng trường/thành viên/quản trị ...
2. Ban giám đốc/giám hiệu.
3. Các khoa/bộ môn/bộ phận chuyên môn.
4. Các phòng ban chức năng.
5. Các tổ chức chính trị, xã hội.

V. CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP (CHIA TÁCH, SÁP NHẬP)

1. Vốn đầu tư.
2. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đầu tư xây dựng/thuê.
3. Chương trình giáo dục.
4. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý.
5. Giáo trình, học liệu tham khảo, thư viện và các điều kiện khác.

VI. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Kế hoạch xây dựng/thuê cơ sở vật chất (quy mô, diện tích, hạng mục, phương án kỹ thuật, công nghệ, các bước triển khai thực hiện).
2. Kế hoạch xây dựng đội ngũ giáo viên/giảng viên.
3. Nguồn tài chính thực hiện.

VII. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG

1. Cơ sở pháp lý.
2. Hệ thống các giải pháp (tổ chức, hành chính, giảng dạy, đào tạo, người học, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, tài chính, bảo đảm chất lượng ...)

VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH VÀ XÃ HỘI

1. Đánh giá hiệu quả thông qua các chỉ tiêu về tài chính, đầu tư.
2. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội.

IX. ĐIỂM KHÁC BIỆT CỦA (tên cơ sở) VỚI CÁC CƠ SỞ KHÁC

X. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

XI. PHỤ LỤC

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(2)..., ngày..... tháng..... năm ...

TỜ TRÌNH

Đề nghị thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học(3)...

Kính gửi :(4).....

I. THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

II. SỰ CẦN THIẾT(3)....

III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ

Tên cơ sở giáo dục:

Địa điểm:

Số điện thoại: Fax:

Website (nếu có): Email:.....

Trên đây là tờ trình đề nghị.....(3). Xin kính trình ... (4)... xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo: (1)..../(2).....) (5)

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:

QUYỀN HẠN/CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ

(Chữ ký, dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên tổ chức trình (nếu có).
- (2) Địa danh.
- (3) Tên cơ sở giáo dục cần thành lập.
- (4) Cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
- (5) Các tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo.

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm ...

ĐỀ ÁN

Thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học

I. MỞ ĐẦU

1. Đặt vấn đề.
2. Cơ sở pháp lý.

II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP (HOẶC

1. Sự cần thiết
2. Mục tiêu đầu tư.
3. Tác động xã hội đối với địa phương, khu vực.
4. Giới thiệu khái quát về chủ đầu tư.

III. CƠ SỞ GIÁO DỤC (tên cơ sở giáo dục)

1. Tên cơ sở giáo dục.
2. Địa chỉ.
3. Địa điểm xây dựng/thuê.
4. Mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ.
5. Ngành nghề, quy mô.
6. Văn bằng/chứng chỉ/chứng nhận: Mẫu bằng tốt nghiệp, chứng chỉ/chứng nhận dự kiến sẽ cấp, tính tương đương với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân của Việt Nam.

IV. CƠ CẤU BỘ MÁY TỔ CHỨC, QUẢN LÝ, GIẢNG DẠY

1. Hội đồng trường/thành viên/quản trị ...
2. Ban giám đốc/giám hiệu.
3. Các khoa/bộ môn/bộ phận chuyên môn.
4. Các phòng ban chức năng.

5. Các tổ chức chính trị, xã hội.

V. CÁC ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP (CHIA TÁCH, SÁP NHẬP ...)

1. Vốn đầu tư.

2. Đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị đầu tư xây dựng/thuê.

3. Chương trình giáo dục.

4. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý.

5. Giáo trình, học liệu tham khảo, thư viện và các điều kiện khác.

VI. KẾ HOẠCH XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

1. Kế hoạch xây dựng/thuê cơ sở vật chất (quy mô, diện tích, hạng mục, phương án kỹ thuật, công nghệ, các bước triển khai thực hiện).

2. Kế hoạch xây dựng đội ngũ giáo viên/giảng viên.

3. Nguồn tài chính thực hiện.

VII. CÁC GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG

1. Cơ sở pháp lý.

2. Hệ thống các giải pháp (tổ chức, hành chính, giảng dạy, đào tạo, người học, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, tài chính, bảo đảm chất lượng ...)

VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH VÀ XÃ HỘI

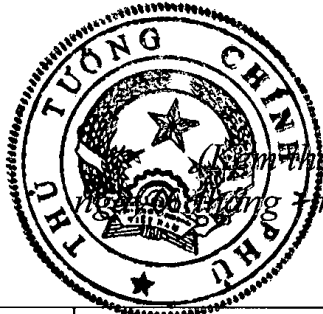
1. Đánh giá hiệu quả thông qua các chỉ tiêu về tài chính, đầu tư.

2. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội.

IX. ĐIỂM KHÁC BIỆT CỦA (tên cơ sở) VỚI CÁC CƠ SỞ KHÁC

X. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

XI. PHỤ LỤC



Phụ lục IV

Kèm theo Quyết định số 193/QĐ-TTg

ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao ...
Mẫu số 02	Quyết định về việc thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao...
Mẫu số 03	Tờ trình về việc thành lập Trường phổ thông dân tộc nội trú ...
Mẫu số 04	Đề án thành lập Trường phổ thông dân tộc nội trú ...
Mẫu số 05	Quyết định về việc thành lập Trường phổ thông dân tộc nội trú ...
Mẫu số 06	Tờ trình về việc đề nghị cho phép hoạt động giáo dục đối với Trường phổ thông dân tộc nội trú ...
Mẫu số 07	Quyết định về việc cho phép hoạt động giáo dục đối với Trường phổ thông dân tộc nội trú ...
Mẫu số 08	Tờ trình về việc thành lập Trường phổ thông dân tộc bán trú ..., xã ..., huyện ...
Mẫu số 09	Đề án thành lập Trường phổ thông dân tộc bán trú ...
Mẫu số 10	Quyết định về việc thành lập Trường phổ thông dân tộc bán trú ...
Mẫu số 11	Tờ trình về việc đề nghị cho phép hoạt động giáo dục đối với Trường phổ thông dân tộc bán trú ..., xã ..., huyện ...
Mẫu số 12	Quyết định về việc cho phép hoạt động giáo dục đối với Trường phổ thông dân tộc bán trú ...

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...(2)...., ngày... tháng... năm ...

TỜ TRÌNH**Đề nghị thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao(3)...**

Kính gửi :(4).....

I. THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**II. SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP ...(3)....****III. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP**

Tên cơ sở giáo dục:

Địa điểm:

Số điện thoại: Fax:

Website (nếu có): Email:.....

Trên đây là tờ trình đề nghị(3). Xin kính trình ...(4)... xem xét, quyết định./.

*(Xin gửi kèm theo: (1)..../(2).....) (5)***Nơi nhận:**

- Như trên;
-
- Lưu.

QUYỀN HẠN/CHỨC VỤ NGƯỜI KÝ*(Chữ ký, dấu)***Ghi chú:**

- (1) Tên tổ chức trình (nếu có).
- (2) Địa danh.
- (3) Tên cơ sở giáo dục cần thành lập.
- (4) Cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.
- (5) Các tài liệu trong hồ sơ gửi kèm theo.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... /QĐ-...³...

...⁴..., ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao.....⁵.....

THẨM QUYỀN BAN HÀNH⁶

Căn cứ⁷.....;

Căn cứ;

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1⁸.....

Điều...

...../.

Nơi nhận:

- Như Điều.....;

-

- Lưu: VT, ...⁹...¹⁰.

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền,
dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Ghi chú:

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp (nếu có).

² Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.

³ Chữ viết tắt tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành quyết định.

⁴ Địa danh.

⁵ Trích yếu nội dung quyết định.

⁶ Thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về người đứng đầu cơ quan, tổ chức thì ghi chức vụ của người đứng đầu; nếu thẩm quyền ban hành quyết định thuộc về tập thể lãnh đạo hoặc cơ quan, tổ chức thì ghi tên tập thể hoặc tên cơ quan, tổ chức đó.

⁷ Các căn cứ để ban hành quyết định.

⁸ Nội dung quyết định.

⁹ Chữ viết tắt tên đơn vị soạn thảo và số lượng bản lưu (nếu cần).

¹⁰ Ký hiệu người soạn thảo văn bản và số lượng bản phát hành (nếu cần).